

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 24-4-2020
V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Điệp

Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Đình Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2020/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thúy A**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: 389 tổ 6, ấp 3, xã K, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh **Dương Tuấn L**, sinh năm 1982.

HKTT: Tổ 4B, phường C, thị xã P, tỉnh Q.

Địa chỉ tạm trú: Ấp 3, xã K, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy A trình bày:* Chị và anh Dương Tuấn L tự nguyện chung sống vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phước B, huyện Q, tỉnh G (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 95 ngày 12/10/2011).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống dẫn đến bất hòa. Từ tháng 9/2019 anh chị sống ly thân nhau đến nay không hòa giải đoàn tụ lần nào. Nay chị cương quyết xin ly hôn với anh L.

- Con chung: không có.
- Tài sản chung và nợ chung: đều không có.

Do bận công việc nên chị A xin vắng mặt khi xét xử vụ án.

* *Bị đơn anh Dương Tuấn L trình bày:* Trên cơ sở tự nguyện, anh và chị Nguyễn Thị Thúy A chung sống vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phước B, huyện Q, tỉnh G (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 95 ngày 12/10/2011).

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do không cùng quan điểm sống nên thường cãi nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị A.

- Con chung: không có.
- Tài sản chung: không có.
- Nợ chung: không có.

Vì lý do công việc nên anh xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Thúy A và anh Dương Tuấn L tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào năm 2011, quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng bất hòa. Nay chị A xin ly hôn, anh L đồng ý. Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9,11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thúy A và anh Dương Tuấn L có yêu cầu vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Nguyễn Thị Thúy A yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Dương Tuấn L. Anh L đang tạm trú và sinh sống tại ấp 3, xã K, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ pháp luật được xác định “Tranh chấp ly hôn”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thúy A, bị đơn là anh Dương Tuấn L.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy A chung sống với anh Dương Tuấn L vào năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phước B, huyện Q, tỉnh G cấp giấy chứng nhận kết hôn số 95, quyển 01/2011 ngày 12/10/2011. Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010), hôn nhân trên được xem là hợp pháp. Nay chị A xin ly hôn, anh L đồng ý và có yêu cầu vắng mặt.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị A và anh L đều thừa nhận nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng bất hòa, từ tháng 9/2019 vợ chồng sống ly thân nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị A và anh L đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị A được ly hôn anh L là phù hợp pháp luật.

[4]. Về con chung: đương sự khai không có nên không xem xét.

[5]. Tài sản chung, nợ chung: Chị A, anh L khai không có nên không xét.

[6]. Về án phí: Chị A phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy A về việc “Ly hôn” đối với bị đơn anh Dương Tuấn L.

1. Xử: Cho chị Nguyễn Thị Thúy A được ly hôn anh Dương Tuấn L.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy An phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã

nộp theo biên lai thu số 0000091 ngày 20/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Chị A đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị Thúy A, anh Dương Tuấn L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mai